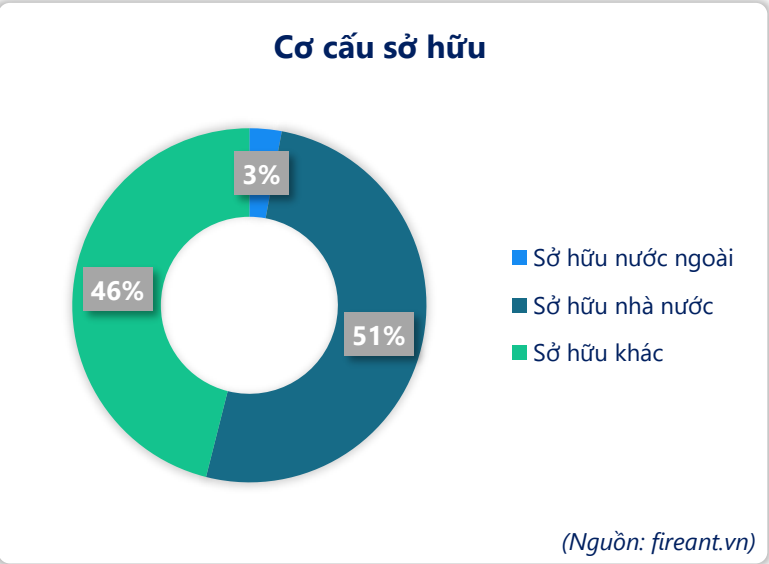
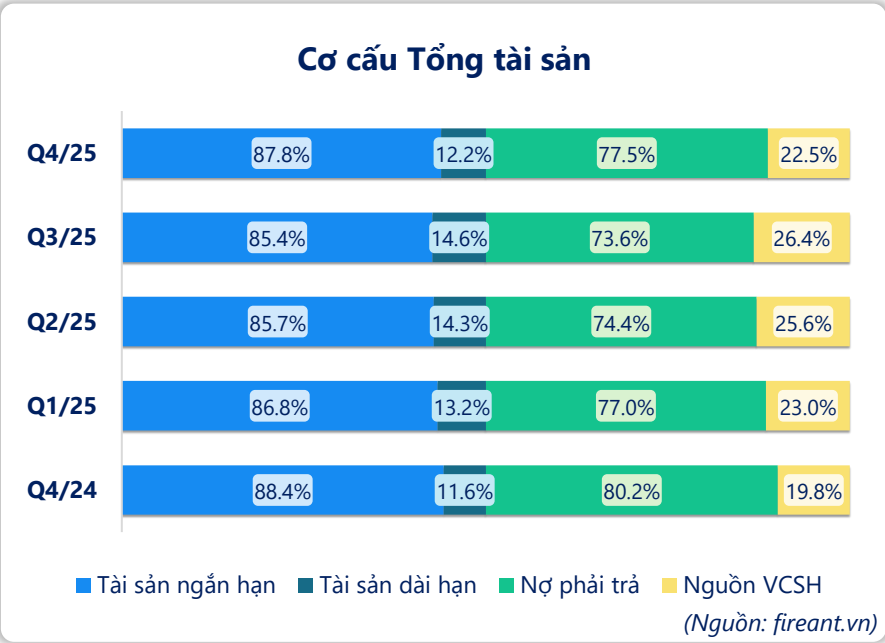
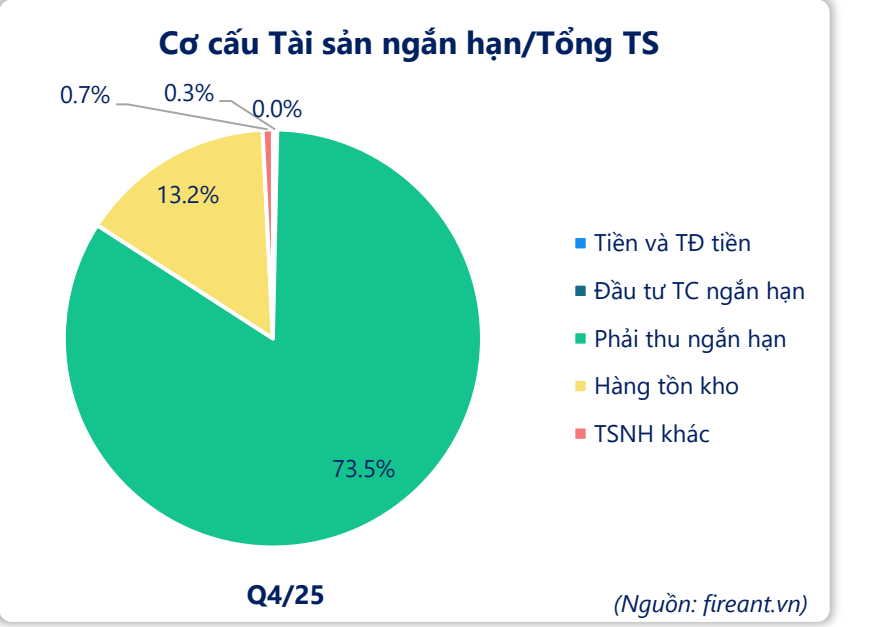
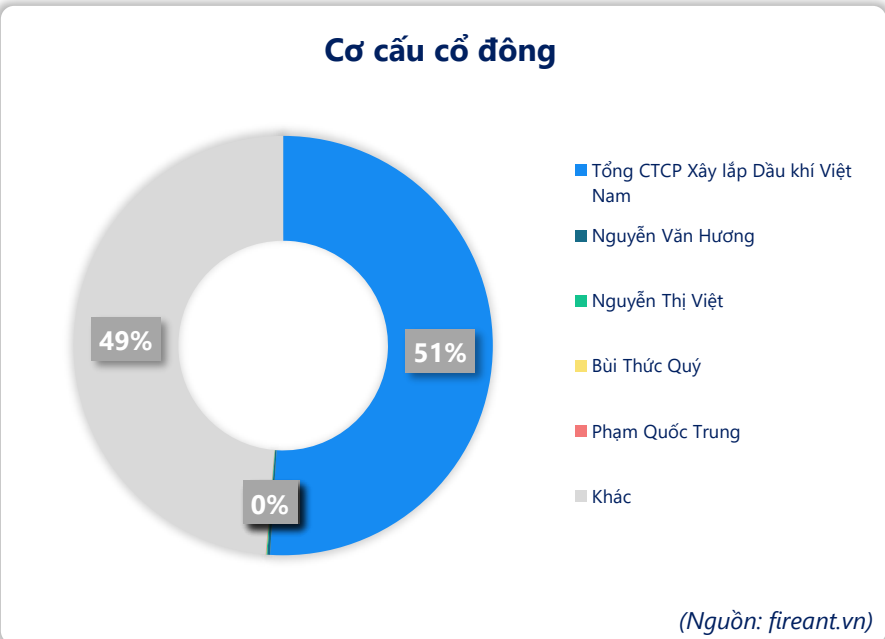
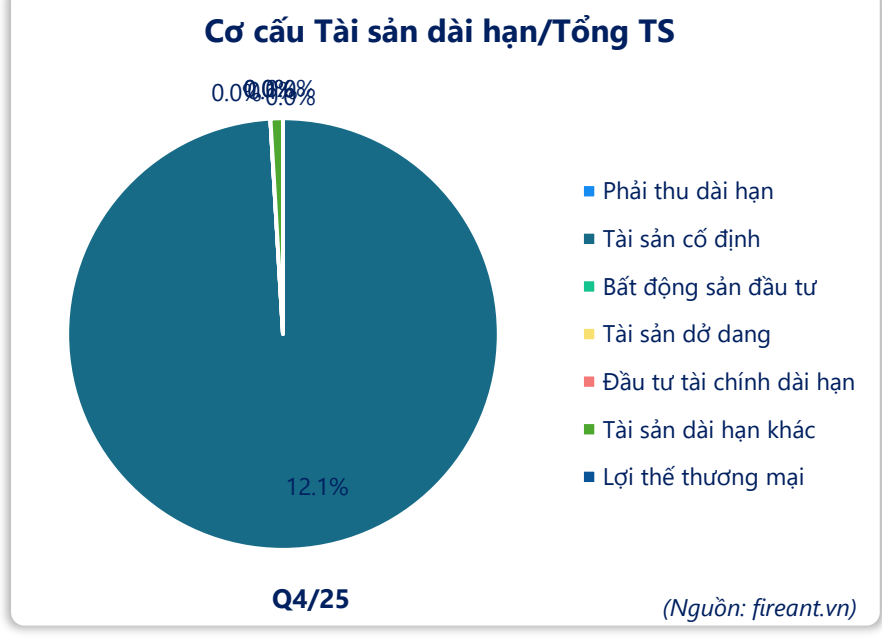
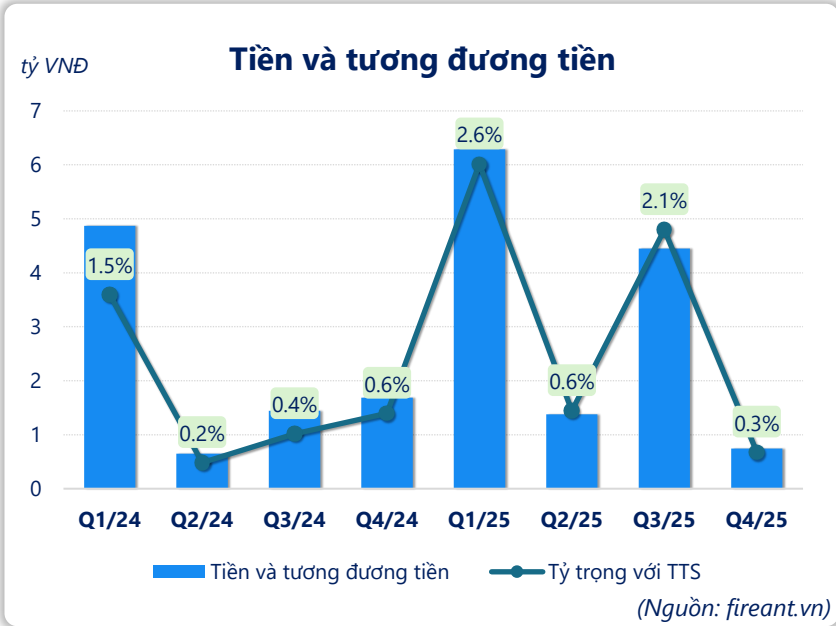
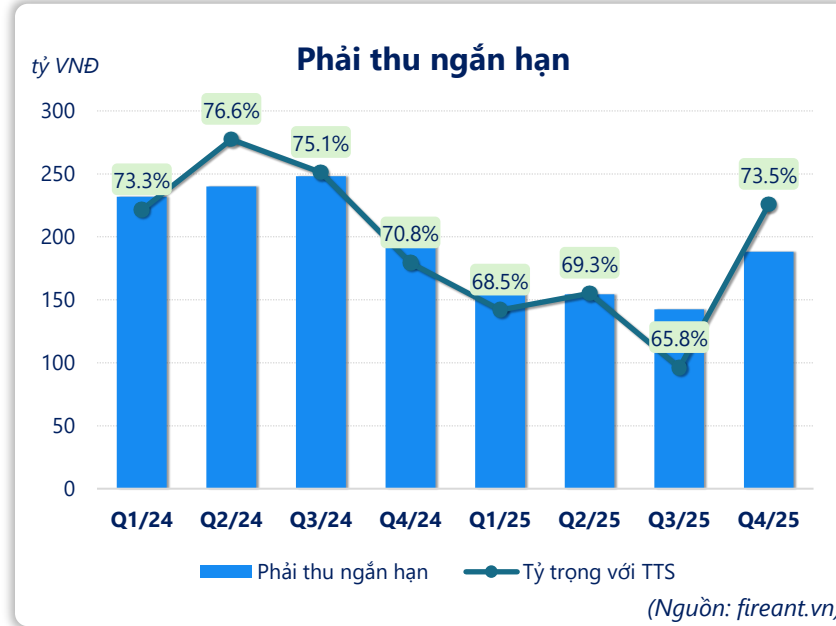
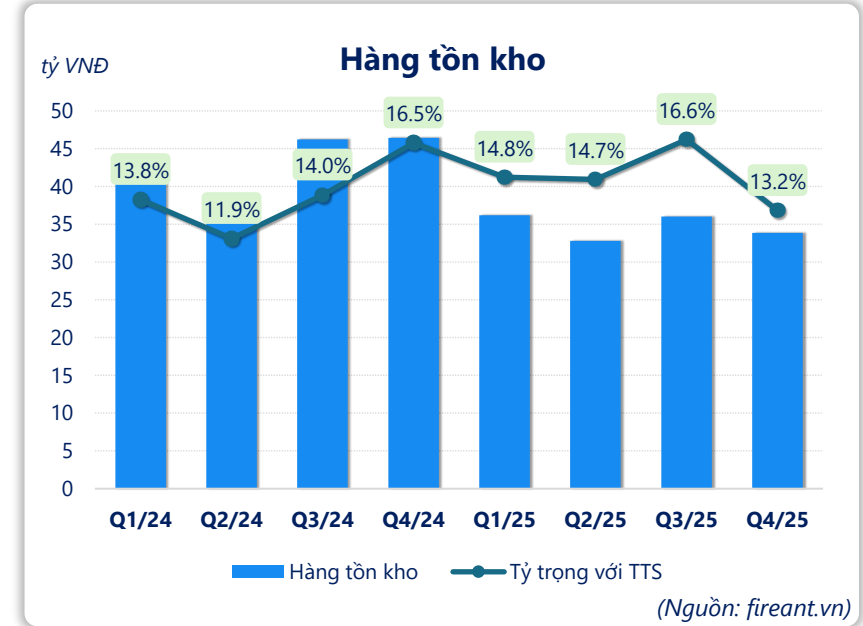
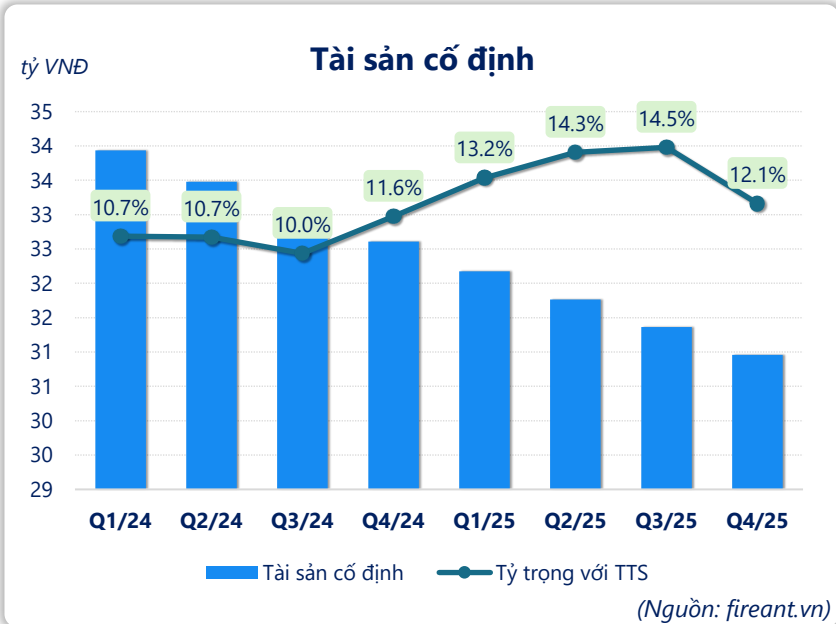
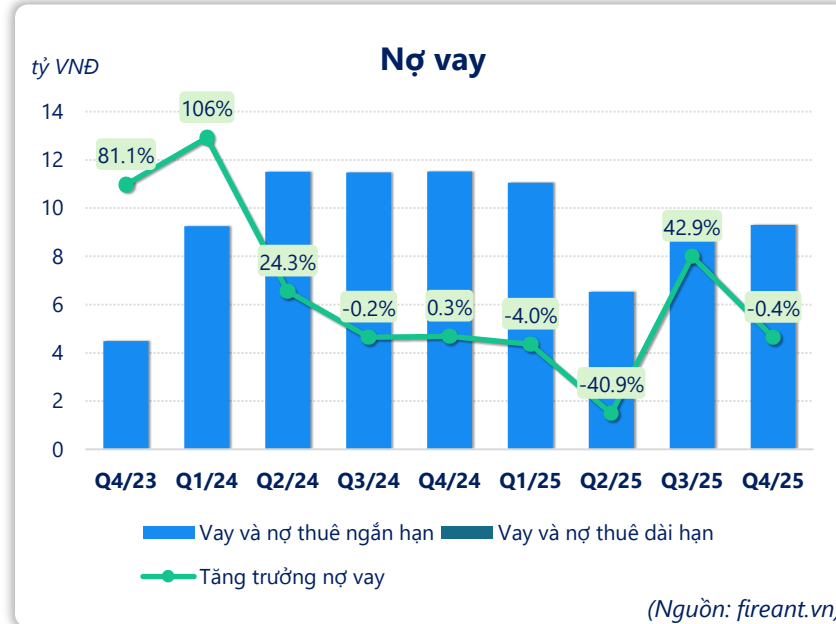
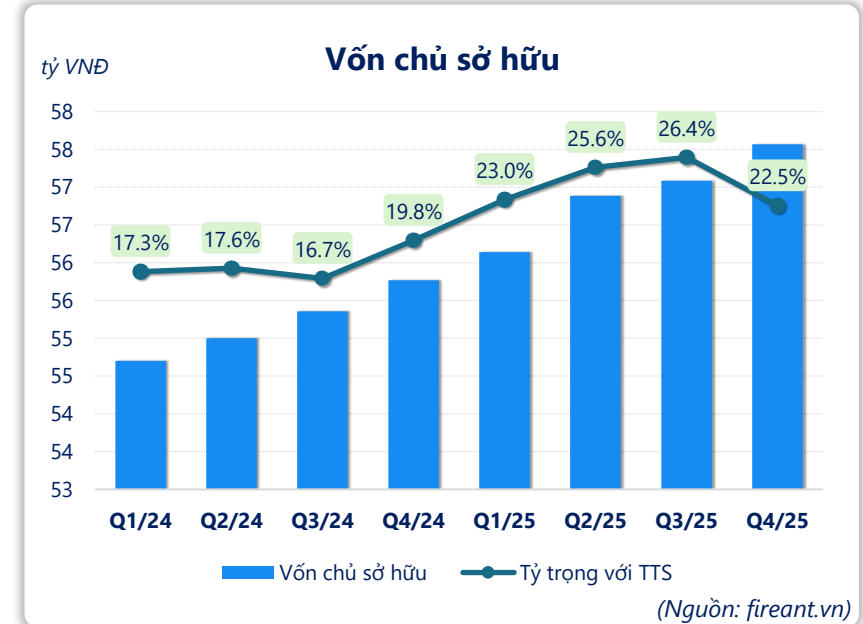
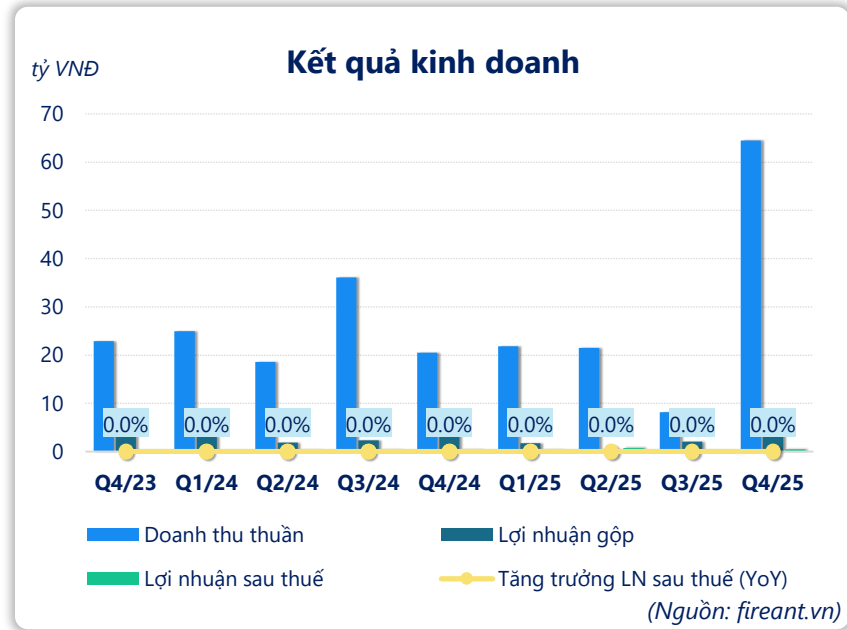
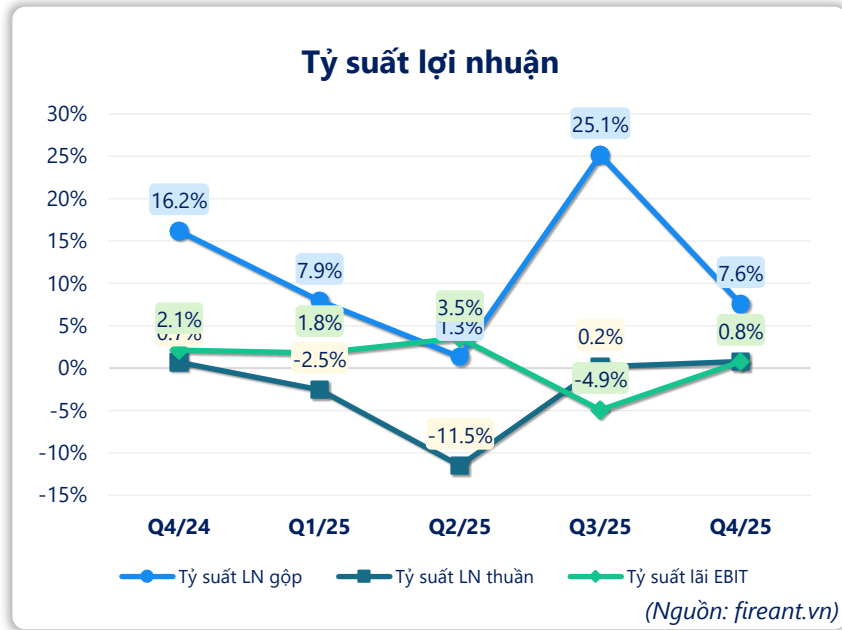
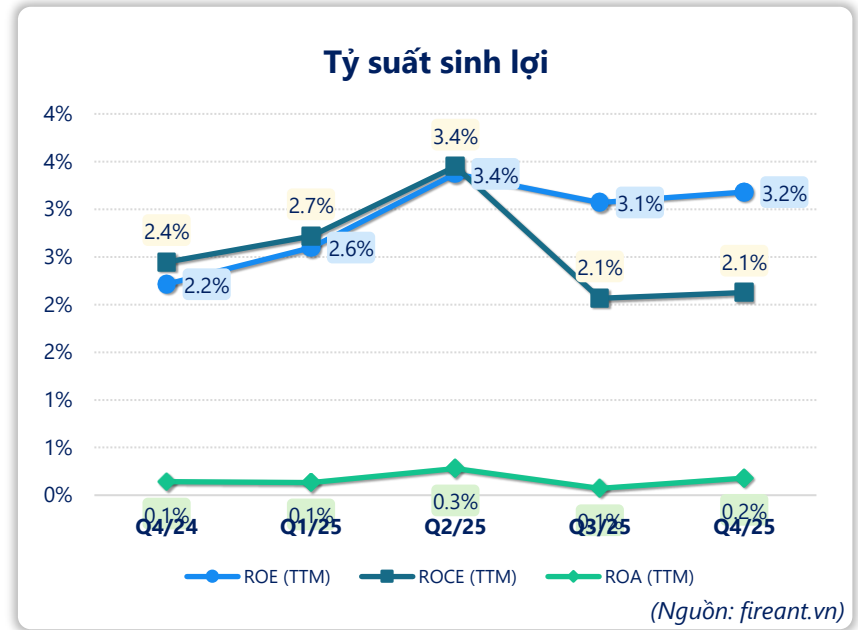
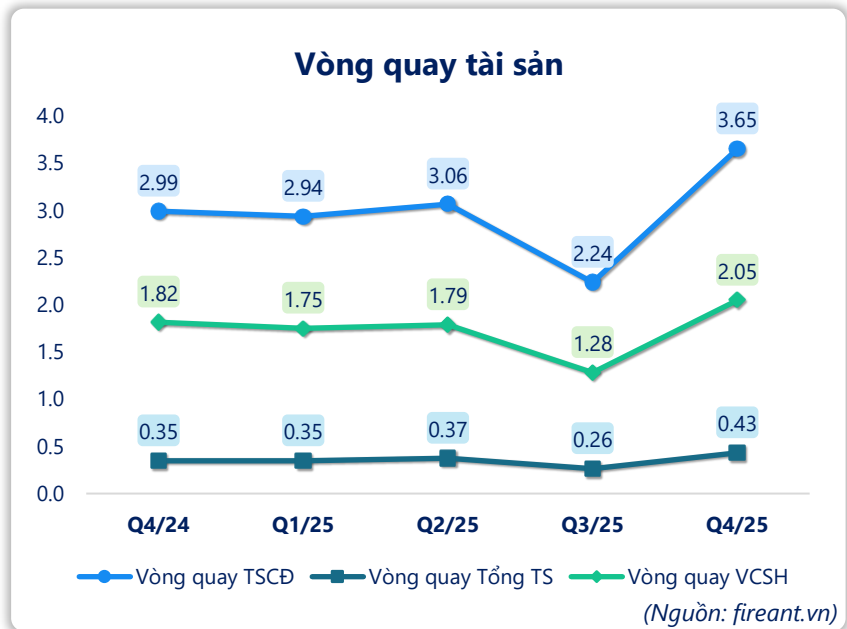
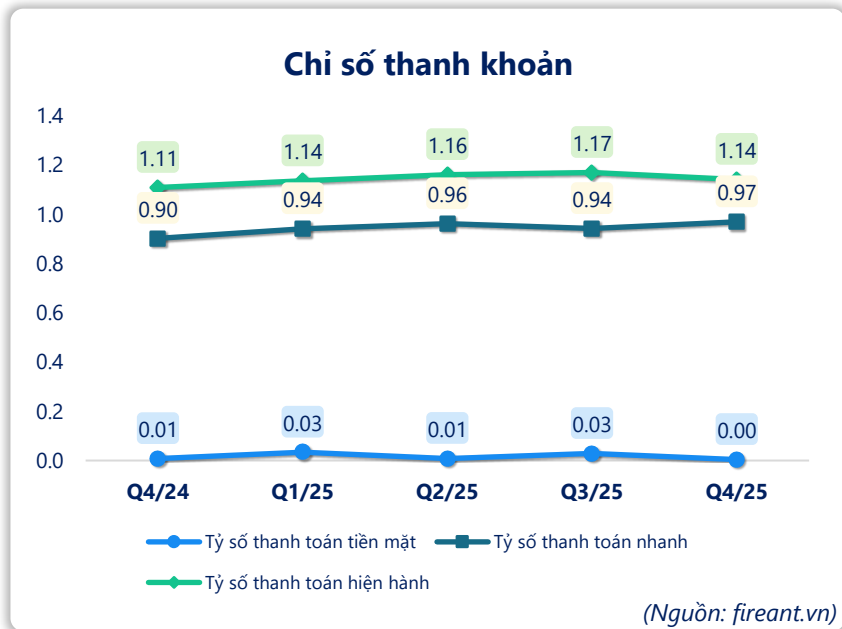
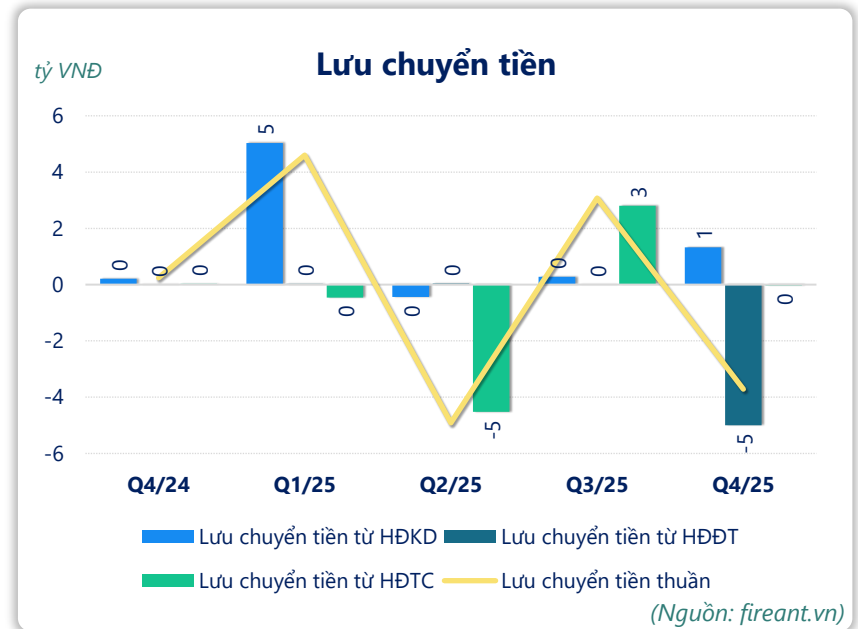


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,300
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,255
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		28
P/E		15.5
EPS		90

	YTD	1T	3T	6T
PXT	-50.0%	0.0%	-12.5%	-12.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	256	282	-9.3%
Tài sản ngắn hạn	224	249	-10.0%
Tiền và tương đương tiền	0.74	1.69	-56.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	188	199	-5.7%
Hàng tồn kho	33.9	46.4	-27.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.77	1.63	8.6%
Tài sản dài hạn	31.3	32.7	-4.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	31.0	32.6	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.29	0.09	222%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	198	226	-12.4%
Nợ ngắn hạn	197	225	-12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.30	11.5	-19.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	107	109	-2.0%
Nợ dài hạn	1.52	1.37	11.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	57.6	55.8	3.2%
Vốn chủ sở hữu	57.6	55.8	3.2%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	20.5	21.8	21.5	8.16	64.5
Giá vốn hàng bán	17.2	20.1	21.2	6.11	59.6
Lợi nhuận gộp	3.32	1.73	0.28	2.05	4.87
Doanh thu HĐTC	0.00	0.03	0.04	0.00	0.00
Chi phí TC	0.03	0.02	0.01	-0.60	0
Chi phí lãi vay	0.03	0.02	0.01	-0.60	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.15	2.30	2.79	2.64	4.37
LN thuần từ HĐKD	0.14	-0.55	-2.48	0.01	0.50
Lợi nhuận khác	0.27	0.93	3.23	0.18	-0.02
LN trước thuế	0.41	0.37	0.75	0.20	0.49
Lợi nhuận sau thuế	0.41	0.37	0.75	0.20	0.49
LNST của CĐ cty mẹ	0.41	0.37	0.75	0.20	0.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.21	5.03	-0.43	0.27	1.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.03	0.04	0.00	-5.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.03	-0.46	-4.52	2.80	-0.03
Tiền đầu kỳ	1.44	1.69	6.29	1.38	4.45
Lưu chuyển tiền thuần	0.25	4.60	-4.91	3.07	-3.71
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.69	6.29	1.38	4.45	0.74

(Nguồn: fireant.vn)